

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **21/2022/DS-ST**.

Ngày: 28/3/2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

2. Bà Phạm Hồng Gái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Bà Trần Phương Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: khu phố Chòm Sao, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: Ông **Bùi Đức Hiễn**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Bà T có mặt, ông Hiễn và bà H có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày như sau:*

Bà Trần Thị T và ông Bùi Đức Hiền là chỗ quen biết nên vào tháng 6/2020 (không nhớ ngày nào), bà T có cho ông Hiền vay số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 tháng, lãi suất 3%/tháng, việc vay tiền hai bên không làm biên nhận nợ vì tin tưởng nhau. Sau khi vay ông Hiền có đóng lãi được 2 tháng với số tiền 6.000.000 đồng rồi từ đó đến nay ông Hiền không đóng lãi thêm và cũng không trả gốc cho bà.

Sau khi nghe tin ông Hiền bỏ đi thì bà T có liên lạc với ông Hiền nhiều lần, ông Hiền cho biết không còn khả năng trả nợ nữa, bà T đến nhà lấy được tài sản gì thì lấy trừ nợ, thấy vậy bà T đã lấy một bộ loa trị giá khoảng 32 triệu đồng. Đồng thời trước khi vay ông Hiền có tham gia của bà T một chân hụi tháng, ông Hiền đóng được 12 lần hụi với số tiền là 36 triệu đồng, hiện số tiền hụi đó bà T đang giữ, ông Hiền yêu cầu trừ vào số tiền còn nợ. Như vậy sau khi cần trừ đi 02 khoản tiền nêu trên thì ông Hiền còn nợ bà T số tiền là 32.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bà Trần Thị T yêu cầu ông Bùi Đức Hiền cùng vợ là bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T số tiền vay còn nợ là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của mình.

Cụ thể bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Đức Hiền phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 32.000.000 đồng và không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

** Tại Bản tự khai đề ngày 15/02/2022 bị đơn ông Bùi Đức Hiền trình bày:*

Ông Bùi Đức Hiền thừa nhận vào tháng 6/2020 ông có vay tiền của bà Trần Thị T số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, việc vay tiền không có lập biên nhận, số tiền vay của bà T ông Hiền sử dụng vào mục đích làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Sau khi vay ông có đóng lãi được 2 tháng với số tiền là 6.000.000 đồng, từ đó đến nay ông không đóng lãi thêm lần nào và cũng chưa trả gốc. Tuy nhiên sau khi không còn khả năng thanh toán nợ thì bà T có đến nhà lấy một bộ loa trị giá 32.000.000 đồng, bên cạnh đó ông có tham gia một chân hụi tháng 3.000.000 đồng do bà T làm chủ, ông Hiền đã đóng được 12 lần với số tiền là 36.000.000 đồng. Ông Hiền yêu cầu cần trừ

vào số nợ trên; như vậy ông Hiền chỉ còn nợ là T số tiền là 32.000.000 đồng, đối với số tiền lãi đã đóng thì ông Hiền không yêu cầu gì. Ông Hiền đồng ý trả số nợ này cho bà Tươi, nhưng xin được trả dần mỗi tháng trả 3.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên.

** Tại Bản tự khai đề ngày 16/3/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:*

Bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Bùi Đức Hiền, bà và ông Hiền cưới nhau vào năm 2002, ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào năm 2003. Khoản vay 100.000.000 đồng của ông Hiền với của bà T thì bà hoàn toàn không hay biết, bà không biết ông Hiền vay khi nào, vay bao nhiêu tiền và đóng được bao nhiêu tiền lãi thì bà cũng không biết, ông Hiền cho rằng vay về để chi tiêu và phát triển kinh tế trong gia đình là không đúng, mọi chi tiêu trong gia đình là do bà lo liệu, ông Hiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Đến khi Tòa án đến tổng đạt văn bản tố tụng thì bà mới biết đến khoản vay này, bà có hỏi thì ông Hiền cho rằng có vay và đã trả được một số tiền, còn việc cụ thể như thế nào thì bà không biết. Do đó, việc bà T yêu cầu bà cùng với ông Hiền phải trả tiền nợ cho bà T thì bà H không đồng ý, vì bà không có vay tiền của bà T. Ông Hiền vay tiền của bà T thì ông Hiền có trách nhiệm trả, bà không có trách nhiệm gì trong vụ việc này. Đồng thời bà H đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt do bà phải đi làm ăn.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, buộc ông Bùi Đức Hiền phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 32.000.000đồng; đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với số tiền 68.000.000đồng và yêu cầu bà H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà T; Về án phí dân sự buộc ông Hiền phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Trần Thị T yêu cầu ông Bùi Đức Hiền phải trả cho bà số tiền vay còn thiếu nên đây được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; bị đơn ông Bùi Đức Hiền có nơi cư trú tại khu phố Tri Tôn, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Bùi Đức Hiền và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hiền, bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định như sau:

Vào tháng 6/2020 ông Bùi Đức Hiền có vay của bà Trần Thị T số tiền là 100.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, việc vay tiền hai bên không có lập biên nhận. Tại bản khai ông Hiền thừa nhận còn nợ bà T số tiền nêu trên nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản tự khai ông Hiền cho rằng hiện chỉ còn nợ bà T số tiền là 32.000.000 đồng do đã cắt trừ vào số tiền hụi và bộ loa là 68.000.000 đồng nên ông chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền là 32.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị T thừa nhận có lấy một bộ loa trị giá khoảng 32.000.000 đồng và số tiền hụi 36.000.000 đồng, bà T đồng ý cắt trừ vào số tiền vay 100.000.000 đồng. Đối với bà H là vợ ông Hiền, đúng là khi vay tiền và khi giao tiền đều không có mặt bà H, bà T không biết bà H có biết việc ông Hiền vay tiền của bà hay không. Do đó bà Trần Thị T rút xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Đức Hiền phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 32.000.000 đồng và không yêu cầu bà H cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng; Lời khai của bà T và ông Hiền về số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn vay là hoàn toàn trùng khớp với nhau. Sau khi cân trừ thì số tiền hiện nay ông Hiền chưa trả cho bà T là 32.000.000đồng; qua quá trình làm việc tại Tòa án ông Hiền thừa nhận ông vẫn còn nợ bà T số tiền vay gốc là 32.000.000đồng và đồng ý có trách nhiệm trả số tiền này cho bà T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện trả nợ của ông Hiền. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trả nợ của các đương sự, ông Hiền có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 32.000.000đồng.

[4] Đối với bà Nguyễn Thị H (vợ ông Hiền); Theo đơn khởi kiện bà T có yêu cầu bà H phải có trách nhiệm cùng ông Hiền trả nợ cho bà. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với bà H vì khi bà cho ông Hiền vay tiền và khi giao tiền đều không có mặt bà H nên bà không biết bà H có biết việc ông Hiền vay tiền của bà hay không. Do đó, bà không yêu cầu bà H phải liên đới trả nợ cho bà. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị H là sự tự nguyện của đương sự và không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu của ông Hiền xin được trả dần số nợ trên nhưng không được bà T đồng ý. Căn cứ theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính quy định “...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...”. Vì vậy, yêu cầu này của ông Hiền là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận trong quá trình nghị án.

[7] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông Hiền phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho bà T.

Bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 467 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc ông Bùi Đức Hiền phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án phía ông Hiền còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với số tiền 68.000.000 đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm với ông Bùi Đức Hiền trả nợ cho bà Trần Thị T.

3/ Về án phí DSST: Buộc ông Bùi Đức Hiền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.600.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001430 ngày 30/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

4/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- *TA tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện Hòn Đất;*
- *THA huyện Hòn Đất;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ./.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Thị Hồng Điệp